

Số: 16/KL-TTT

Hưng Yên, ngày 05 tháng 6 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc tổ chức thực hiện giấy phép khai thác khoáng sản đối với Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải tại mỏ cát TH12, tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Quyết định số 38/QĐ-TTT ngày 02/3/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra việc tổ chức thực hiện giấy phép khai thác khoáng sản đối với Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải tại mỏ cát TH12, tỉnh Hưng Yên (Thời kỳ thanh tra từ ngày 27/5/2024 đến ngày 31/12/2025); từ ngày 09/3/2026 đến ngày 17/4/2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải tại mỏ cát TH12, tỉnh Hưng Yên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 06/BC-ĐTT ngày 11/5/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. Khái quát chung

Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải (sau đây viết tắt là Công ty) có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0601128325; địa chỉ: tổ 5, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định (nay là Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình) cấp lần đầu ngày 26/12/2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 18/10/2023; ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: Khai thác khoáng sản.

Ngày 03/01/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên) có Quyết định số 04/QĐ-STNMT về công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát TH12, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (nay là mỏ cát TH12, tỉnh Hưng Yên); trong đó: công nhận tổ chức trúng đấu giá là Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải.

Ngày 24/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) ký Giấy phép số 22/GP-UBND về thăm dò khoáng sản; trong đó cho phép Công ty được thăm dò khoáng sản tại mỏ cát TH12 với thời hạn thăm dò 06 tháng; ngày 24/11/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định số 2598/QĐ-UBND về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ cát TH12, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (sau đây viết tắt là mỏ cát TH12).

Tháng 3/2024, Công ty lập Dự án khai thác cát tại mỏ cát TH12, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khai thác mỏ cát TH12, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình” được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định tại Quyết định số 314/QĐ-UBND

ngày 21/3/2024.

Ngày 11/4/2024, Sở Xây dựng có Văn bản số 816/SXD-KT&VLXD thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Khai thác cát tại mỏ TH12, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình”. Ngày 13/4/2024, Công ty ký Quyết định số 01/QĐ-NTH về việc phê duyệt “Dự án khai thác cát tại mỏ cát TH12, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình”.

Ngày 27/5/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép số 42/GP-UBND; trong đó cho phép Công ty được khai thác cát tại mỏ cát TH12, cụ thể:

- Diện tích khu vực khai thác: 95 ha;
- Mức sâu khai khác thấp nhất: đến mức -16,1 m;
- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 3.639.250 m³;
- Trữ lượng khai thác: 3.537.712 m³;
- Phương pháp khai thác: Bơm hút;
- Công suất khai thác: 750.000 m³/năm (quy định chi tiết từng năm trong hồ sơ thiết kế cơ sở được cơ quan có thẩm quyền thẩm định);
- Thời hạn khai thác: 05 năm, kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực là ngày 27/5/2024;
- Mục đích khai thác khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường, phục vụ san lấp tại Khu kinh tế Thái Bình, các khu, cụm công nghiệp và các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Ngày 04/10/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định số 1628/QĐ-UBND về việc giao khu vực biển trong đó giao quyền sử dụng 95 ha thuộc vùng biển ven bờ giáp xã Nam Phú, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (nay là xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên) cho Công ty để khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường, phục vụ san lấp tại Khu kinh tế Thái Bình, các khu, cụm công nghiệp và các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình; thời hạn sử dụng khu vực biển kể từ ngày 04/10/2024 đến hết ngày 27/5/2029; hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển: Nộp tiền hằng năm; ngày 31/10/2024 Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức bàn giao khu vực biển trên thực địa cho Công ty.

Ngày 17/10/2024, Công ty có Văn bản số 17/CV-NTH đăng ký, thông báo ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ là ngày 18/10/2024; ngày bắt đầu khai thác là ngày 02/11/2024 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, Ủy ban nhân dân xã Nam Phú.

Công ty đã bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ từ ngày 18/10/2024 và bắt đầu khai thác mỏ TH12 từ ngày 02/11/2024; hiện Công ty có 12 người làm việc liên quan đến mỏ TH12.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Thiết kế mỏ

Công ty đã lập Thiết kế mỏ Dự án khai thác tại mỏ cát TH12, được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 2089/SXD-KT&VLXD ngày 29/8/2024 theo quy định tại Điều 61 Luật Khoáng sản năm 2010, Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản; nội dung về trữ lượng khai thác, công suất khai thác trong Thiết kế mỏ đảm bảo theo Giấy phép khoáng sản đã được cấp và xác định: Dây chuyền, thiết bị phù hợp công nghệ sản xuất và mục tiêu đầu tư khai thác; giải pháp tổ chức thiết kế (xây dựng cơ bản, mở vỉa, trình tự khai thác...) phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5326-2008 về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên, cụ thể:

- Diện tích khu vực khai thác: 95 ha;
- Mức sâu khai khác thấp nhất: đến mức -16,1 m;
- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 3.639.250 m³;
- Trữ lượng khai thác: 3.537.712 m³;
- Công suất khai thác: 750.000 m³/năm (thời gian chuẩn bị khai thác 94.810 m³; từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 công suất khai thác 750.000 m³/năm; năm thứ 5 khối lượng khai thác 442.902 m³);
- Thời gian khai thác: 05 năm, kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực.

Sau khi Thiết kế mỏ được Sở Xây dựng thẩm định, Công ty đã nộp hồ sơ Thiết kế mỏ cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Giám đốc điều hành mỏ

Công ty đã ký Hợp đồng ngày 15/10/2024 với ông Nguyễn Văn Thái, là người có bằng Kỹ sư Kỹ thuật mỏ do Trường Đại học Mỏ địa chất cấp ngày 08/8/2017 để làm Giám đốc điều hành mỏ; ngày 16/10/2024 Công ty ký Quyết định số 03/QĐ-NTH về bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đối với ông Nguyễn Văn Thái; Danh sách cán bộ công nhân viên do Công ty cung cấp có tên ông Nguyễn Văn Thái đã tham gia BHXH tại đơn vị khác; ngày 17/10/2024, Công ty có Văn bản số 17.10/TB-NTH về thông báo Giám đốc điều hành mỏ cát TH12 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 62 Luật Khoáng sản năm 2010.

3. Việc thả phao báo hiệu và cắm mốc các điểm khép góc khu vực khai thác tại thực địa theo thiết kế cơ sở và thiết kế mỏ đã được phê duyệt

Ngày 18/10/2024, Công ty đã tiến hành thả phao các điểm khép góc khu vực khai thác theo thiết kế cơ sở và thiết kế mỏ đã được phê duyệt.

Ngày 31/10/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, Ủy ban nhân dân xã Nam Phú (thuộc tỉnh Thái Bình cũ) tổ chức kiểm tra thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác phạm vi khu vực được phép khai thác mỏ cát biển TH12 xác định: Công ty đã thả 04 phao báo hiệu tại khu vực mỏ cát, trong đó có 03 phao (1, 3, 4) có tọa độ phù hợp với các điểm góc số 1, 3, 4 của mỏ cát TH12; 01 phao (số 2) có tọa độ không phù hợp với điểm góc số 2 của mỏ cát TH12 (nằm trên đường ranh giới mỏ cát, lệch so với điểm góc số 2 của mỏ cát khoảng 500m).

Ngày 01/11/2024, Công ty có Văn bản số 19/CV-NTH gửi Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Công ty đã chỉnh sửa lại phao số 2 tại mỏ cát TH12 theo yêu cầu tại Biên bản làm việc ngày 31/10/2024.

Ngày 25/4/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức kiểm tra thực địa, tuy nhiên do biển động, sóng lớn nên chưa thực hiện kiểm tra thực địa, chỉ thực hiện họp và ghi nhận ý kiến của các đơn vị liên quan (Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Phòng Cảnh sát giao thông, Cảng vụ hàng hải Thái Bình, Đoàn Biên phòng Cửa Lân, Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải); đến thời điểm thanh tra, Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa thực hiện kiểm tra thực địa để xác định việc thả phao báo hiệu và cắm mốc các điểm khép góc khu vực khai thác mỏ của Công ty sau khi Công ty có Văn bản số 19/CV-NTH ngày 01/11/2024.

4. Việc đăng ký tên, loại phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát và yêu cầu về đăng ký theo yêu cầu của pháp luật giao thông; lắp đặt các thiết bị đo đạc, thiết bị giám sát hành trình phục vụ kiểm soát khối lượng khoáng sản khai thác

Về phương tiện khai thác, theo Thiết kế cơ sở được lập trong Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 816/SXD-KT&VLXD ngày 11/4/2024, Thiết kế mỏ Dự án khai thác tại mỏ cát TH12 được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 2089/SXD-KT&VLXD ngày 29/8/2024, Công ty sử dụng: 02 tàu hút thông dụng có công suất 900CV (hoặc loại tương đương), trên mỗi tàu được trang bị 28 máy bơm hút (trong đó 22 máy bơm làm việc đồng thời và 06 máy bơm dự phòng), lưu lượng bơm 01 máy là 200 m³/h; 02 tàu hút thông dụng công suất 818CV (hoặc loại tương đương), trên mỗi tàu được trang bị 30 máy bơm hút (trong đó 24 máy bơm làm việc đồng thời và 06 máy bơm dự phòng), lưu lượng bơm 01 máy là 50 m³/h.

Trong quá trình khai thác cát tại mỏ TH12, Công ty đã có các Văn bản: số 17a/CV-NTH ngày 17/10/2024, số 03/CV-NTH ngày 06/3/2025, số 09.07/CV-NTH ngày 09/7/2025, số 04.08/CV-NTH ngày 04/08/2025, số 12.09/CV-NTH ngày 12/9/2025 gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đăng ký phương tiện sử dụng để khai thác, vận chuyển cát tại mỏ cát TH12.

Qua rà soát các phương tiện Công ty sử dụng để khai thác, vận chuyển cát

đã đăng ký trùng khớp với danh sách đính kèm theo Văn bản số 785/BCH-NV ngày 19/3/2026 của Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh về việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung đăng ký phương tiện sử dụng để khai thác, vận chuyển cát của Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải.

Công ty đã cung cấp văn bản và chứng từ lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, xác định tọa độ đối với 03 phương tiện là Tàu cát: LAMLINH 66 (công suất 600 CV); LAMLINH 68 (công suất 2.604 CV) và LAMLINH 88 (công suất 2.000 CV), gồm: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa; thiết bị thông tin liên lạc, định vị hải đồ, radar, la bàn, phao vô tuyến, bộ đàm, hệ thống nhận dạng AIS. Các phương tiện khai thác có công suất chưa đảm bảo theo nội dung lựa chọn phương tiện khai thác trong Thiết kế cơ sở, Thiết kế mở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt do tùy thuộc vào thời điểm khai thác, đơn vị mua cát sử dụng các phương tiện khác nhau nhưng đều đã đăng ký với Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và mỗi ngày không quá 04 phương tiện khai thác theo thiết kế cơ sở, thiết kế mở.

5. Việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản

Công ty đã thực hiện lập và gửi Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản đến Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) năm 2024, 2025 (số lượng: 01 lần năm 2024; 02 lần năm 2025) đảm bảo về thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT. Tuy nhiên tại các bản đồ hiện trạng tọa độ điểm khép góc số 3, 4 khu vực khai thác ghi không chính xác tọa độ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND (ghi nhầm tọa độ điểm góc 3, 4 thành điểm góc 1, 2).

Đơn vị lập bản đồ (Công ty TNHH địa chính và xây dựng Nam Hà Nội) có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số 01384 ngày 18/10/2024 (thời hạn Giấy phép đến ngày 24/3/2028) do Cục trưởng Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp.

6. Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản

Công ty đã thực hiện lập báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định, cụ thể:

- Năm 2024: Công ty đã có Báo cáo số 02/BC-NTH ngày 15/01/2025 gửi cơ quan có thẩm quyền. Tại Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản năm 2024, nội dung thống kê đúng Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép

khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế. Tuy nhiên tại Bảng số 01 số liệu thống kê tại cột theo Giấy phép chưa chính xác.

- Năm 2025: Báo cáo thống kê trữ lượng khoáng sản của Công ty được tích hợp vào Báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản năm 2025 (Báo cáo số 19.01/BC-NTH ngày 19/01/2026) theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

Về trữ lượng khoáng sản khai thác hàng năm: Qua kiểm tra sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản khai thác và đối chiếu với hồ sơ kê khai thuế; thông tin, số liệu do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cung cấp xác định:

- Năm 2024: Tổng sản lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày 08/11/2024 đến hết ngày 29/12/2024 là 106.838,9 m³. Tuy nhiên, qua đối chiếu hồ sơ, tài liệu liên quan xác định: Khối lượng cát khai thác hàng ngày do Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cung cấp trùng khớp với phiếu giao nhận hàng của Công ty nhưng khác với sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản khai thác hàng ngày của Công ty.

- Năm 2025: Tổng sản lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày 16/4/2025 đến hết ngày 31/12/2025 là 653.827,48 m³.

Tính đến hết ngày 31/12/2025, tổng sản lượng khoáng sản đã khai thác là 760.666,38 m³ (khối rời tính theo đơn vị vận tải; quy đổi sang trữ lượng địa chất là 655.746,88 m³), tổng trữ lượng còn lại 2.881.965,12 m³ (trữ lượng địa chất).

Từ khi được cấp Giấy phép khai thác, Công ty đã thực hiện lập sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định khối lượng khoáng sản khai thác thực tế theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản, Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế (nay là Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, Điều 10 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản).

7. Về báo cáo định kỳ hoạt động khai thác

Từ khi thực hiện khai thác đến nay, Công ty đã thực hiện lập và gửi Báo

cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản định kỳ 01 lần/năm về Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), cụ thể:

- Năm 2024: Báo cáo số 01/BC-NTH ngày 15/01/2025 (ngày 16/01/2025 Sở Tài nguyên và Môi trường đã nhận được Báo cáo số 01/BC-NTH). Hình thức báo cáo đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 15, Mẫu số 36 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Năm 2025: Báo cáo số 19.01/BC-NTH ngày 19/01/2026 (ngày 21/01/2026 Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được Báo cáo số 19.01/BC-NTH). Hình thức báo cáo đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22, mẫu số 05 của phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT.

Công ty đã gửi kèm theo các Báo cáo chứng từ, sổ sách thống kê khối lượng khai thác, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt lưu trữ theo quy định.

8. Hỗ trợ đối với địa phương và nhân dân địa phương nơi mở khai thác

Theo báo cáo Công ty sử dụng khoảng 10 người lao động thời vụ là người của địa phương; Công ty chưa hỗ trợ kinh phí cho địa phương nơi mở khai thác.

9. Việc chấp hành các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền

Theo báo cáo của Công ty và kết quả thu thập thông tin từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, từ khi khai thác cát tại mỏ cát TH12 đến nay, Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực khoáng sản.

10. Các nội dung khác liên quan đến khai thác cát tại mỏ cát TH12

Theo tài liệu Công ty cung cấp, từ khi khai thác đến nay Công ty đã ký hợp đồng kinh doanh cát với 03 tổ chức (bên B), gồm: Công ty TNHH Lâm Linh, Công ty TNHH Minh Thành Thái Bình, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Bách Khoa TV68; trong đó Công ty ký hợp đồng cho bên B đưa phương tiện vào khai thác có sự giám sát và điều hành của Công ty. Theo các Hợp đồng kinh tế: số 2904/2025/HĐKT/NTH-MT ngày 29/4/2025 giữa Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải và Công ty TNHH Minh Thành Thái Bình; số 1505/2025/HĐKT/NTH-BK ngày 15/5/2025 giữa Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Bách Khoa TV68, Bên B có trách nhiệm sử dụng vật liệu cát khai thác theo đúng quy định được

ghi trong giấy phép khai thác của mỏ cát TH12; tuy nhiên, việc giám sát các tổ chức mua cát có sử dụng “làm vật liệu xây dựng thông thường, phục vụ san lấp tại Khu kinh tế Thái Bình, các khu, cụm công nghiệp và các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình” theo Giấy phép số 42/GP-UBND còn hạn chế.

Về việc lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản nêu tại khoản 5 Điều 2 Giấy phép số 42/GP-UBND và mục 17.1.4 của Thiết kế bản vẽ thi công: Theo Văn bản số 390/CĐTND-QLKCHT ngày 23/02/2024 của Cục đường thủy nội địa Việt Nam trả lời Công ty trong đó xác định vùng nước khai thác tại mỏ TH12 nêu trên không ảnh hưởng đến phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng chạy tàu các tuyến đường thủy nội địa quốc gia; Liên quan đến nội dung này, Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long (có loại hình tương tự được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác tại mỏ cát TH03) được Cảng vụ hàng hải Thái Bình trả lời không thuộc trường hợp phải lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ (Văn bản số 452/CVHHTB-PCTTATANHH ngày 21/8/2024). Do đó, Công ty không phải lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản.

11. Việc thực hiện nghĩa vụ ngân sách đối với nhà nước

Theo báo cáo của Công ty, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Công ty đến ngày 31/3/2026 như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Cộng
1	Số tiền phải thực hiện với Ngân sách Nhà nước	19.093.736.582	11.573.077.151	30.666.813.733
2	Số đã nộp ngân sách nhà nước	19.093.736.582	9.564.317.651	28.658.054.233
3	Số còn chưa nộp	0	2.008.759.500	2.008.759.500

Tính đến ngày 31/3/2026, Công ty còn số tiền 2.008.759.500 đồng chưa nộp (trong đó thuế tài nguyên là 1.278.301.500 đồng, phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản là 730.458.000 đồng).

12. Về tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp Giấy phép số 22/GP-UBND ngày 24/4/2023 về thăm dò khoáng sản; Giấy phép số 42/GP-UBND ngày 27/5/2024 về khai thác khoáng sản, Công ty không phải hoàn trả chi phí

đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư và tổ chức cá nhân khác đầu tư.

13. Đối với tiền trúng đấu giá khoáng sản

Công ty đã thực hiện nộp đủ số tiền 17.149.965.625 đồng trúng đấu giá khoáng sản theo Thông báo ngày 06/5/2024 của Cục Thuế tỉnh Thái Bình (nay là Thuế tỉnh Hưng Yên).

14. Việc chấp hành quy định về thuế tài nguyên

Công ty phát sinh sản lượng tài nguyên từ ngày 08/11/2024. Hàng tháng, Công ty đã kê khai tính nộp thuế tài nguyên, sản lượng kê khai tính thuế tài nguyên là sản lượng bán ra trong kỳ. Tại thời điểm cung cấp hồ sơ cho Đoàn Thanh tra, Công ty chưa Quyết toán thuế tài nguyên năm 2025. Tổng số tiền thuế tài nguyên Công ty đã kê khai là 7.906.867.815 đồng (trong đó, năm 2024 là 1.041.679.275 đồng, năm 2025 là 6.865.188.540 đồng).

Qua kiểm tra, xác minh hồ sơ, tài liệu liên quan nhận thấy:

- Năm 2024, Công ty đã thực hiện kê khai, nộp thuế tài nguyên theo quy định, giá tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cũ (do giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng của Công ty thấp hơn).

- Trong một số tháng năm 2025, Công ty thực hiện kê khai thuế tài nguyên theo sản lượng bán ra trong tháng, không thực hiện kê khai theo sản lượng khai thác thực tế trong tháng theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế tài nguyên, dẫn đến:

- + Khai sai căn cứ tính thuế nhưng không dẫn đến thiếu thuế tài nguyên các tờ khai thuế tháng 5/2025, tháng 8/2025, tháng 9/2025 và tháng 11/2025;

- + Khai sai căn cứ tính thuế dẫn đến thiếu thuế tài nguyên các tờ khai thuế tháng 4/2025, tháng 7/2025, tháng 10/2025 tổng số tiền 1.480.909.500 đồng. Số tiền thuế tài nguyên chênh lệch còn thiếu (thuộc kỳ kê khai tháng 4/2025) là 25.800.750 đồng.

- Tháng 5/2025, Công ty xác định giá tính thuế tài nguyên chưa đúng quy định tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên. Từ tháng 6/2025, thực hiện kê khai theo giá tính thuế tài nguyên tại Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cũ.

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
1	Số phải kê khai	1.041.679.275	6.890.989.290	7.932.668.565
2	Đã kê khai	1.041.679.275	6.865.188.540	7.906.867.815
3	Chênh lệch	0	25.800.750	25.800.750
3.1	Số khai dẫn đến thiếu thuế	0	1.480.909.500	1.480.909.500
3.2	Số khai không dẫn đến thiếu thuế	0	-1.455.108.750	-1.455.108.750

15. Đối với tiền sử dụng khu vực biển

Công ty được giao khu vực biển kể từ ngày 04/10/2024 theo Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Công ty đã nộp đủ tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế (năm 2024 là 172.379.032 đồng; năm 2025 là 712.500.000 đồng).

Tuy nhiên, năm 2025 Công ty thực hiện nộp tiền lần thứ nhất vào ngày 17/7/2025, lần thứ 02 vào ngày 31/12/2025, chậm so với thời gian phải nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ và Thông báo của cơ quan Thuế.

16. Đối với tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Bình về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác cát tại mỏ cát TH12, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình) là 354.717.000 đồng với số lần ký quỹ là 05 lần, trong đó: Lần 01 số tiền 88.679.250 đồng; Lần 02 số tiền 66.509.438 đồng; Lần 03 số tiền 66.509.438 đồng; Lần 04 số tiền 66.509.438 đồng; Lần 05 số tiền 66.509.438 đồng, chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

Công ty đã thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường lần 01 số tiền 88.679.250 đồng; lần 02 số tiền 68.923.731 đồng (theo các Giấy xác nhận: số 1883/QBVMT-KQ ngày 16/12/2024; số 1955/QBVMT-KQ ngày 17/10/2025 của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam).

Tuy nhiên, mức yếu tố trượt giá năm 2025, Công ty xác định là 3,63%, thấp hơn mức chỉ số giá tiêu dùng do Cục Thống kê Thái Bình (nay là Thống kê tỉnh Hưng Yên) công bố mức yếu tố trượt giá năm 2025 là 4,77% (Báo cáo số 02/CTK-TH ngày 02/01/2025); số tiền ký quỹ còn thiếu là 758.207 đồng. Công ty thực hiện nộp ký quỹ lần 02 vào ngày 03/10/2025, chưa đảm bảo trước ngày

31/01 của năm ký quỹ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi tại điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

17. Việc chấp hành quy định về phí bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản

Hàng tháng, Công ty đã kê khai tiền phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Sản lượng kê khai tính phí là sản lượng bán ra trong kỳ. Công ty xác định trong tờ khai Hệ số K là 1,0. Tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản Công ty đã kê khai là 4.563.998.280 đồng (trong đó năm 2024 là 641.033.400 đồng, năm 2025 là 3.922.964.880 đồng).

Qua kiểm tra, xác minh nhận thấy:

Công ty kê khai theo sản lượng tài nguyên bán ra, không kê khai theo sản lượng tài nguyên thực tế khai thác; xác định hệ số K= 1 trong trường hợp khai thác lộ thiên (K= 1,1) chưa đúng quy định tại Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản dẫn đến:

+ Khai không đúng các khoản mục quy định trong các tờ khai nộp phí tháng 11/2024, tháng 12/2024, tháng 4/2025, tháng 5/2025, tháng 6/2025, tháng 7/2025, tháng 8/2025, tháng 9/2025, tháng 10/2025, tháng 11/2025 và tháng 12/2025;

+ Khai thiếu phí bảo vệ môi trường tháng 11/2024, tháng 12/2024, tháng 4/2025, tháng 6/2025, tháng 7/2025, tháng 10/2025 và tháng 12/2025.

Số tiền phí bảo vệ môi trường còn thiếu 02 năm là 456.399.828 đồng (năm 2024 là 64.103.340 đồng, năm 2025 là 392.296.488 đồng).

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
1	Số phải kê khai tính nộp	705.136.740	4.315.261.368	5.020.398.108
2	Đã kê khai	641.033.400	3.922.964.880	4.563.998.280
3	Chênh lệch	64.103.340	392.296.488	456.399.828
3,1	Số khai thiếu	64.103.340	1.131.166.800	1.195.270.140
3,2	Số khai không thiếu	0	-738.870.312	-738.870.312

18. Việc chấp hành quy định về thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty không có địa điểm kinh doanh, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, không xuất khẩu khoáng sản (cát tại mỏ TH12). Do đó, không phát

sinh nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Điều 13 và Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

19. Việc chấp hành các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền

Theo số liệu của Thuế tỉnh Hưng Yên cung cấp, đến nay Thuế tỉnh Hưng Yên đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty về các hành vi chậm nộp tờ khai thuế tài nguyên (Quyết định số 298/QĐ-XPHC ngày 30/01/2026, hình thức xử phạt 3,5 triệu đồng; Công ty đã chấp hành nộp phạt ngày 25/3/2026), chậm nộp tờ khai phí bảo vệ môi trường (Quyết định số 310/QĐ-XPHC ngày 20/01/2026, hình thức xử phạt: cảnh cáo).

Theo báo cáo của Công ty, ngoài 02 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên, Công ty không còn bị xử phạt vi phạm hành chính nào khác.

20. Một số nội dung khác liên quan đến hóa đơn

Qua kiểm tra, Công ty thực hiện 04 lần xuất hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế; cụ thể:

TT	Ngày nghiệm thu	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Thuế GTGT
1	10/5/2025	3	12/5/2025	277.006.500
2	19/6/2025	7	20/6/2025	41.439.600
3	30/7/2025	11	04/8/2025	444.612.273
4	06/8/2025	12	18/8/2025	114.259.091

III. Kết luận

Do giới hạn về thời hạn thanh tra trong khi hoạt động kiểm tra trên biển phụ thuộc vào yếu tố thời tiết, thủy triều, điều kiện phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động thanh tra, nên đoàn thanh tra chỉ kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động khai thác cát do Công ty và cơ quan liên quan cung cấp, không tiến hành kiểm tra hiện trạng.

1. Kết quả đạt được

Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải đã thực hiện lập, trình thẩm định và nộp hồ sơ Thiết kế mỏ; bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ và gửi thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; thực hiện thả phao các điểm khép góc khu vực khai thác; thực hiện lập và gửi báo cáo định kỳ việc khai thác khoáng sản, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản gửi cơ quan có thẩm quyền; sử dụng lao động thời vụ là người địa phương; thực hiện đã nộp đủ tiền trúng đấu giá khoáng sản, tiền sử dụng khu vực biển, chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, phí.

2. Tồn tại, hạn chế, vi phạm

2.1. Đối với Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải

- Trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản, Công ty sử dụng phương tiện khai thác có công suất chưa đảm bảo theo nội dung lựa chọn phương tiện khai thác trong Thiết kế cơ sở, Thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc lập bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản thông tin thể hiện còn sai về tọa độ điểm khép góc số 3, 4, không đúng theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND (ghi nhầm tọa độ điểm góc 3, 4 thành điểm góc 1, 2).

- Bảng số 01 số liệu thống kê của Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản năm 2024 chưa chính xác.

- Việc giám sát các tổ chức mua cát có sử dụng “làm vật liệu xây dựng thông thường, phục vụ san lấp tại Khu kinh tế Thái Bình, các khu, cụm công nghiệp và các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình” theo Giấy phép số 42/GP-UBND còn hạn chế.

- Năm 2024, lập sổ sách, tài liệu có liên quan để xác định sản lượng khai thác thực tế nhưng số liệu thông tin không chính xác (sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản khai thác hàng ngày của Công ty không đúng với phiếu giao hàng), không bảo đảm quy định tại Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 40 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 17 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

- Thực hiện kê khai thuế tài nguyên còn theo sản lượng tài nguyên bán ra, không kê khai theo sản lượng tài nguyên thực tế khai thác; xác định giá tính thuế tài nguyên chưa đúng quy định tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính dẫn đến:

+ Khai sai căn cứ tính thuế nhưng không dẫn đến thiếu thuế tài nguyên các tờ khai thuế tháng 5/2025, tháng 8/2025, tháng 9/2025 và tháng 11/2025; vi phạm điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn;

+ Khai sai căn cứ tính thuế dẫn đến thiếu thuế tài nguyên các tờ khai thuế

tháng 4/2025, tháng 7/2025, tháng 10/2025 tổng số tiền 1.480.909.500 đồng; vi phạm điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Số tiền thuế tài nguyên còn thiếu buộc thu hồi nộp ngân sách nhà nước (thuộc kỳ kê khai tháng 4/2025) là 25.800.750 đồng.

+ Tháng 5/2025, Công ty xác định giá tính thuế tài nguyên chưa đúng quy định tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

- Việc thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển còn chậm so với thời gian phải nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ và Thông báo của cơ quan thuế.

- Xác định mức yếu tố trượt giá năm 2025 thấp hơn mức chỉ số giá tiêu dùng do Cục Thống kê Thái Bình (nay là Thống kê tỉnh Hưng Yên) công bố dẫn đến số tiền ký quỹ lần 02 còn thiếu là 758.207 đồng.

- Việc thực hiện nộp ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường năm 2025 còn chậm so với quy định tại điểm c khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 16 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Thực hiện kê khai phí bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản còn theo sản lượng tài nguyên bán ra, không kê khai theo sản lượng tài nguyên thực tế khai thác; xác định hệ số K trong trường hợp khai thác lộ thiên chưa đúng quy định tại Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ dẫn đến:

+ Khai không đúng các khoản mục quy định trong các tờ khai nộp phí tháng 11/2024, tháng 12/2024, tháng 4/2025, tháng 5/2025, tháng 6/2025, tháng 7/2025, tháng 8/2025, tháng 9/2025, tháng 10/2025, tháng 11/2025, vi phạm khoản 3 Điều 22 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn;

+ Khai không đúng các khoản mục quy định trong tờ khai nộp phí tháng 12/2025, vi phạm khoản 2 Điều 16 Nghị định số 02/2026/NĐ-CP ngày 01/01/2026 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí;

+ Khai thiếu phí bảo vệ môi trường tháng 11/2024, tháng 12/2024, tháng 4/2025, tháng 6/2025, tháng 7/2025, tháng 10/2025 và tháng 12/2025. Số tiền phí bảo vệ môi trường còn thiếu 02 năm buộc thu hồi nộp ngân sách nhà nước là 456.399.828 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và quy định của ngân sách nhà nước.

- Thực hiện 04 lần xuất hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn

đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế, vi phạm khoản 3 Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

2.2. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản còn một số tồn tại, hạn chế:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND ngày 27/5/2024, trong đó xác định phương pháp khai thác “bơm hút” là không chính xác theo Mẫu số 24 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); khoản 1 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

- Khi phát hiện Công ty thả phao các điểm khép góc khu vực khai thác chưa chính xác theo thiết kế cơ sở và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, đã yêu cầu Công ty thực hiện điều chỉnh; ngày 01/11/2024 Công ty có báo cáo nhưng chưa thực hiện kiểm tra thực địa để xác định việc thả phao báo hiệu và cắm mốc các điểm khép góc khu vực khai thác mỏ của Công ty.

- Hàng năm, Công ty thực hiện lập và gửi Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản đến Sở; tại các bản đồ hiện trạng tọa độ điểm khép góc số 3, 4 khu vực khai thác ghi không chính xác tọa độ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND tuy nhiên Sở không phát hiện kịp thời thiếu sót để yêu cầu Công ty chỉnh sửa đảm bảo theo quy định.

3. Nguyên nhân để xảy ra tồn tại, hạn chế, vi phạm

- Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải lần đầu được cấp phép khai thác khoáng sản (cát biển), chưa được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra chấn chỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ được giao trong quản lý Nhà nước về khoáng sản.

4. Trách nhiệm để xảy ra tồn tại, hạn chế, vi phạm

Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải chịu trách nhiệm chính về các tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện giấy phép khai thác khoáng sản tại mỏ cát TH12, tỉnh Hưng Yên.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; là cơ quan có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện

giấy phép khai thác khoáng sản.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng

Chưa áp dụng biện pháp xử lý nào.

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Từ kết quả thanh tra nêu trên, căn cứ Luật Thanh tra năm 2025; Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; Chánh Thanh tra tỉnh đề nghị:

1. Về xử lý về kinh tế

Thanh tra tỉnh thu hồi về tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh số tiền **482.200.578** đồng của Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải (Thuế tài nguyên tháng 4/2025 là 25.800.750 đồng; Phí bảo vệ môi trường 02 năm là 456.399.828 đồng).

2. Về xử lý trách nhiệm

Căn cứ các tồn tại, hạn chế, vi phạm và trách nhiệm đã được nêu tại Kết luận thanh tra, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc để xảy ra các tồn tại, hạn chế; căn cứ kết quả kiểm điểm có biện pháp xử lý theo quy định.

3. Yêu cầu Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải

Tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế về khoáng sản, chấp hành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, cụ thể:

- Thực hiện khai thác khoáng sản đúng theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND ngày 27/5/2024 được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp; Sử dụng phương tiện khai thác khoáng sản phù hợp về số lượng, công suất theo nội dung lựa chọn phương tiện khai thác trong Thiết kế cơ sở, Thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Lập bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản đảm bảo theo quy định tại Điều 14, khoản 3 Điều 22 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

- Trong quá trình hoạt động khai thác thực hiện việc kiểm soát sản lượng khai thác khoáng sản (ghi chép, thống kê hàng ngày vào sổ theo dõi, báo cáo thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác...) đảm bảo theo quy định tại Điều

10 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

- Thực hiện giám sát các đơn vị mua cát đảm bảo việc sử dụng cát khai thác tại mỏ cát TH12 đúng mục đích theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND ngày 27/5/2024 được UBND tỉnh cấp (Làm vật liệu xây dựng thông thường, phục vụ san lấp tại Khu kinh tế Thái Bình, các khu, cụm công nghiệp và các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình);

- Đối với con người và phương tiện thực hiện khai thác cát thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia;

- Chấp hành nghiêm các quy định về tài chính trong khai thác khoáng sản. Xác định đúng mức yếu tố trượt giá khi thực hiện ký quỹ theo quy định.

4. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Đối chiếu với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản xem xét, xử lý vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải về các hành vi vi phạm nêu tại Mục 2.1 Phần III Kết luận này.

- Khắc phục tồn tại, hạn chế nêu tại Mục 2.2 Phần III Kết luận này.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải trong quá trình thực hiện giấy phép khai thác khoáng sản; sử dụng khu vực biển; phát hiện và xử lý kịp thời các tồn tại, hạn chế (nếu có) tránh để xảy ra trong thời gian dài, khó khắc phục.

5. Đề nghị Ban Chỉ huy Bội độ Biên phòng tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra, trường hợp phát hiện Công ty vi phạm về sử dụng khu vực biển, khai thác khoáng sản thì xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa nước cộng hòa xã hội

chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định: số 23/2017/NĐ-CP ngày 13/3/2017; số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022; số 82/2026/NĐ-CP ngày 20/3/2026 của Chính phủ.

6. Đề nghị Thuế tỉnh Hưng Yên

- Đối chiếu với quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, phí, xem xét, xử lý, hướng dẫn Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải khắc phục các tồn tại, vi phạm nêu tại mục Mục 2.1 Phần III Kết luận thanh tra.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải trong quá trình thực hiện kê khai, nộp các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; phát hiện và xử lý kịp thời các tồn tại, hạn chế (nếu có) tránh để xảy ra trong thời gian dài, khó khắc phục.

7. Đề nghị Thuế cơ sở 8 tỉnh Ninh Bình:

Đề nghị Thuế cơ sở 8 tỉnh Ninh Bình căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xem xét, xử lý vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải về 04 hành vi xuất hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

8. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2025, Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Hưng Yên, Thuế cơ sở 8 tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản (kèm theo tài liệu chứng minh) gửi Thanh tra tỉnh Hưng Yên trước 30/6/2026.

VI. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập của chính sách, pháp luật có liên quan và kiến nghị khắc phục

Quá trình thanh tra, phát hiện tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện không đúng một số quy định trong Giấy phép khai thác nhưng không có chế tài xử lý. Đề nghị UBND tỉnh giao:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Rà soát, tổng hợp đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thay thế Nghị định xử phạt vi phạm hành chính hiện hành: số 36/2020/NĐ-CP ngày 23/4/2020 và số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 trong đó căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2025; bổ sung xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi các nội dung trong giấy phép khai thác khoáng sản như hành vi khai thác khoáng sản

không đúng độ sâu đối với khai thác cát, sỏi lòng sông; cát biển...

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thu hoặc không thu kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật địa chất và khoáng sản.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc tổ chức thực hiện giấy phép khai thác khoáng sản đối với Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải tại mỏ cát TH12, tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế tỉnh Hưng Yên;
- Thuế cơ sở 8 tỉnh Ninh Bình;
- Ban Chỉ huy Bội độ Biên phòng tỉnh;
- Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải
- Các phòng: 1, 4, 6;
- Lưu: VT, HS.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Phạm Công Dịch

Phụ lục

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 16/KL-TTT ngày 05/6/2026 của Thanh tra tỉnh Hưng Yên)

I. TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ

STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú	
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác			
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)							
					Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)						Tiền (Tr.đ)
1	Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải	Năm 2024, lập sổ sách, tài liệu có liên quan để xác định sản lượng khai thác thực tế nhưng số liệu thông tin không chính xác												Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, xử lý VPHC
		Khai sai căn cứ tính thuế nhưng không dẫn đến thiếu thuế tài nguyên các tờ khai thuế tháng 5/2025, tháng 8/2025, tháng 9/2025 và tháng 11/2025;												Đề nghị cơ quan thuế xem xét, xử lý VPHC



STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú	
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác			
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)							
					Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)		Tiền (Tr.đ)
		Khai sai căn cứ tính thuế dẫn đến thiếu thuế tài nguyên các tờ khai thuế tháng 4/2025, tháng 7/2025, tháng 10/2025 tổng số tiền 1.480.909.500 đồng; số tiền thuế tài nguyên còn thiếu tháng 4/2025 buộc thu hồi nộp ngân sách Nhà nước 25.800.750 đồng	25,8		25,8									Đề nghị cơ quan thuế xem xét, xử lý VPHC
		Khai không đúng các khoản mục quy định trong các tờ khai nộp phí tháng 11/2024, tháng 12/2024, tháng 4/2025, tháng 5/2025, tháng 6/2025, tháng 7/2025, tháng 8/2025, tháng 9/2025, tháng 10/2025, tháng 11/2025 và tháng 12/2025												



STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú	
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác			
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)							
					Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)		
		Khai thiếu phí bảo vệ môi trường tháng 11/2024, tháng 12/2024, tháng 4/2025, tháng 6/2025, tháng 7/2025, tháng 10/2025 và tháng 12/2025. Số tiền phí bảo vệ môi trường còn thiếu 02 năm buộc thu hồi nộp ngân sách nhà nước là 456.399.828 đồng	456,4		456,4									Thu hồi
		Thực hiện 04 lần xuất hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế												Kiến nghị cơ quan thuế xem xét, xử lý VPHC
		Tổng cộng			482,2									

II. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tham mưu UBND tỉnh ký Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND ngày 27/5/2024, trong đó xác định phương pháp khai thác “bơm hút” là không chính xác theo Mẫu số 24 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); khoản 1 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Rút kinh nghiệm			
		Khi phát hiện Công ty thả phao các điểm khép góc khu vực khai thác chưa chính xác theo thiết kế cơ sở và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, đã yêu cầu Công ty thực hiện điều chỉnh; ngày 01/11/2024 Công ty có báo cáo nhưng Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa thực hiện kiểm tra thực địa để xác định việc thả phao báo hiệu và cắm mốc các	Rút kinh nghiệm			

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
		điểm khép góc khu vực khai thác mỏ của Công ty				
		Hàng năm, Công ty thực hiện lập và gửi Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản đến Sở; tại các bản đồ hiện trạng tọa độ điểm khép góc số 3, 4 khu vực khai thác ghi không chính xác tọa độ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND tuy nhiên Sở không phát hiện kịp thời thiếu sót để yêu cầu Công ty chỉnh sửa đảm bảo theo quy định	Rút kinh nghiệm			

III. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

STT	Nội dung kiến nghị	Thông tin về văn bản kiến nghị hoàn thiện			Ghi chú
		Số văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	
Kiến nghị ban hành mới					
1	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản	36/2020/NĐ-CP 04/2022/NĐ-CP	23/4/2020 06/01/2022	Chính phủ	Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; Luật sửa đổi bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2025 đã có hiệu lực có một số quy định thay đổi; Nghị định xử phạt vi phạm hành chính hiện hành thiếu chế tài xử lý các hành vi về thực hiện không đúng nội dung

					của Giấy phép khai thác khoáng sản
2	Ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định việc thu hoặc không thu kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Điều 5 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP	02/7/2025	Chính phủ	Đến nay chưa ban hành